

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo														Thời gian đã học
				[2026] Bảng điểm B số tự động														
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTĐB						Mô phỏng		
Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt					
								Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái					
1	149	HOÀNG LINH TRANG	Đạt	8.11	Đạt	8.01	Đạt	10	Đạt	9.6	Đạt	8	Đạt	7.6	Đạt	10	Đạt	115:21:54
2	36	LÊ VIỆT DŨNG	Đạt	9.78	Đạt	7.39	Đạt	10	Đạt	7.59	Đạt	8.33	Đạt	7.9	Đạt	10	Đạt	112:32:07
3	69	HOÀNG THỊ HUỖN	Đạt	8.02	Đạt	7.51	Đạt	9.8	Đạt	8.51	Đạt	7.52	Đạt	7.56	Đạt	10	Đạt	110:00:09
4	9	NGUYỄN MAI ANH	Đạt	8.39	Đạt	8.41	Đạt	9.96	Đạt	8.14	Đạt	7.19	Đạt	7.26	Đạt	10	Đạt	109:00:52
5	123	LÊ THỊ PHƯƠNG	Đạt	10	Đạt	9.01	Đạt	7.89	Đạt	7.02	Đạt	7.78	Đạt	7.18	Đạt	10	Đạt	108:56:59
6	93	NGUYỄN THỊ HỒNG LONG	Đạt	8.49	Đạt	8.43	Đạt	8.33	Đạt	7.5	Đạt	7.2	Đạt	7.58	Đạt	10	Đạt	107:08:24
7	157	BÙI VĂN TÙNG	Đạt	8.54	Đạt	9	Đạt	7.44	Đạt	7.73	Đạt	7.07	Đạt	7.66	Đạt	8.95	Đạt	106:13:35
8	113	LƯƠNG ÁI NHI	Đạt	8.16	Đạt	8.05	Đạt	7.49	Đạt	7.31	Đạt	7.58	Đạt	7.72	Đạt	9.85	Đạt	105:20:30
9	46	NGUYỄN THẾ HÀ	Đạt	7.34	Đạt	7.9	Đạt	8.06	Đạt	7.35	Đạt	7.46	Đạt	8.09	Đạt	10	Đạt	104:56:41
10	166	VŨ DANH VIỆT	Đạt	8.97	Đạt	7.16	Đạt	7.36	Đạt	7.23	Đạt	7.11	Đạt	8.49	Đạt	8.65	Đạt	104:29:29
11	162	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	Đạt	7.34	Đạt	7.93	Đạt	7.21	Đạt	8.16	Đạt	7.16	Đạt	7.36	Đạt	10	Đạt	103:44:56
12	32	PHẠM MINH ĐỨC	Đạt	7.26	Đạt	7.98	Đạt	7.03	Đạt	7.38	Đạt	7.23	Đạt	7.12	Đạt	10	Đạt	103:43:05
13	103	TRƯƠNG VĂN MINH	Đạt	7.17	Đạt	8	Đạt	7.3	Đạt	8.4	Đạt	7.09	Đạt	7.5	Đạt	7.08	Đạt	102:49:58
14	3	NGUYỄN HẢI YẾN	Đạt	9.35	Đạt	7.04	Đạt	7.03	Đạt	8.14	Đạt	7	Đạt	7.24	Đạt	8.85	Đạt	102:48:05
15	124	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Đạt	8.55	Đạt	7.09	Đạt	7.94	Đạt	7.81	Đạt	7.19	Đạt	7.13	Đạt	9.73	Đạt	102:30:30
16	107	PHẠM LÊ NHẬT NAM	Đạt	8.89	Đạt	7.46	Đạt	9.35	Đạt	7.03	Đạt	7.02	Đạt	7.28	Đạt	8.63	Đạt	102:09:18
17	114	NGÔ HỒNG NHUNG	Đạt	7.41	Đạt	7.09	Đạt	7.1	Đạt	8.53	Đạt	7.22	Đạt	7.02	Đạt	10	Đạt	102:06:18
18	92	NGUYỄN DUY LONG	Đạt	7.04	Đạt	7.09	Đạt	8.75	Đạt	7.6	Đạt	7.34	Đạt	7.8	Đạt	7.85	Đạt	102:00:26
19	66	TRẦN MAI HƯƠNG	Đạt	9.2	Đạt	7.14	Đạt	7.38	Đạt	7.05	Đạt	7.26	Đạt	7.08	Đạt	10	Đạt	101:24:32
20	28	NGUYỄN THẾ ĐẠT	Đạt	7.26	Đạt	8.06	Đạt	7.79	Đạt	7.8	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	9.28	Đạt	101:21:26
21	170	NGUYỄN THỊ XUÝEN	Đạt	7.34	Đạt	7	Đạt	7.51	Đạt	8.18	Đạt	7.4	Đạt	7.06	Đạt	7.13	Đạt	101:08:57
22	4	NGUYỄN VĂN NGỌC HOÀNG	Đạt	7.69	Đạt	7.03	Đạt	7.05	Đạt	8.7	Đạt	7.01	Đạt	7.09	Đạt	7.85	Đạt	101:08:15
23	73	PHẠM GIA KHIÊM	Đạt	8.87	Đạt	7.55	Đạt	7.94	Đạt	7.27	Đạt	7.06	Đạt	7.1	Đạt	7.6	Đạt	101:06:09
24	132	LÊ THỊ TÂM	Đạt	7.76	Đạt	7.66	Đạt	7	Đạt	7.28	Đạt	7.33	Đạt	7.42	Đạt	7.18	Đạt	100:56:30
25	71	NGUYỄN TRẦN BẢO KHÁNH	Đạt	7.66	Đạt	7.31	Đạt	7.86	Đạt	7.76	Đạt	7.27	Đạt	7.17	Đạt	7.2	Đạt	100:54:07
26	81	NGUYỄN THỊ LIÊN	Đạt	7.12	Đạt	7.47	Đạt	8.03	Đạt	7.05	Đạt	7.58	Đạt	7.21	Đạt	8.2	Đạt	100:34:07
27	116	KHUẤT THỊ DANH	Đạt	7.04	Đạt	8.25	Đạt	7.06	Đạt	7.65	Đạt	7.08	Đạt	7.03	Đạt	8.6	Đạt	100:26:58
28	12	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Đạt	7.94	Đạt	7.62	Đạt	8.75	Đạt	7.16	Đạt	7.14	Đạt	7.02	Đạt	7.05	Đạt	100:10:15
29	105	BÙI THẢO MY	Đạt	7.41	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	8.18	Đạt	7.22	Đạt	7.11	Đạt	7.48	Đạt	100:03:13
30	150	LÊ THỊ THU TRANG	Đạt	7.56	Đạt	7.44	Đạt	9.61	Đạt	7.02	Đạt	7.12	Đạt	7.02	Đạt	8.2	Đạt	100:00:15
31	104	ĐINH VĂN MÌNH	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	7.19	Đạt	8.5	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	8.43	Đạt	99:51:42
32	144	TRẦN NHỚ THƯƠNG	Đạt	8.1	Đạt	7.08	Đạt	7.03	Đạt	7.06	Đạt	7.32	Đạt	7.49	Đạt	7.48	Đạt	99:43:22
33	48	NGUYỄN THANH HIỀN	Đạt	7.21	Đạt	7.12	Đạt	7.13	Đạt	7.35	Đạt	7.31	Đạt	7.21	Đạt	9.1	Đạt	99:16:56
34	7	BÙI THỊ VĂN ANH	Đạt	7.26	Đạt	7.14	Đạt	8.23	Đạt	7.26	Đạt	7.28	Đạt	7.1	Đạt	7.63	Đạt	99:05:04
35	44	DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN	Đạt	7.06	Đạt	7.06	Đạt	7.21	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	8.28	Đạt	7.1	Đạt	98:57:18
36	140	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Đạt	7.26	Đạt	7.03	Đạt	7.21	Đạt	7.76	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	10	Đạt	98:57:11
37	65	ĐỖ QUỲNH HƯƠNG	Đạt	7.54	Đạt	7.01	Đạt	7.41	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	7.9	Đạt	7.3	Đạt	98:55:06
38	108	PHẠM THỊ THUY NGÀ	Đạt	7.86	Đạt	7.47	Đạt	7.7	Đạt	7.08	Đạt	7.06	Đạt	7.08	Đạt	7.75	Đạt	98:52:03
39	119	BẠCH ĐĂNG PHÚC	Đạt	7.02	Đạt	8.47	Đạt	7.01	Đạt	7.07	Đạt	7	Đạt	7.12	Đạt	7.4	Đạt	98:47:29
40	160	ĐINH TRỌNG TUYẾN	Đạt	7.07	Đạt	7.39	Đạt	7.29	Đạt	7.71	Đạt	7.08	Đạt	7.08	Đạt	7.33	Đạt	98:42:49
41	45	ĐỖ THỊ HÀ	Đạt	8.33	Đạt	7.23	Đạt	7.71	Đạt	7.04	Đạt	7.11	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	98:38:24
42	98	DƯƠNG NGÔ NHẬT MINH	Đạt	7.17	Đạt	7.48	Đạt	7.39	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.49	Đạt	8.58	Đạt	98:36:30
43	151	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Đạt	7.15	Đạt	7.05	Đạt	7.18	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.03	Đạt	7.1	Đạt	98:35:35
44	172	TRƯƠNG THỊ YẾN	Đạt	7.91	Đạt	7.16	Đạt	7.15	Đạt	7.54	Đạt	7	Đạt	7.06	Đạt	7.4	Đạt	98:33:47
45	138	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Đạt	7.04	Đạt	7.07	Đạt	7.21	Đạt	7.54	Đạt	7	Đạt	7.21	Đạt	9.7	Đạt	98:31:25
46	2	NGUYỄN HẢI NHI	Đạt	7.51	Đạt	7.02	Đạt	7.9	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.56	Đạt	7.65	Đạt	98:29:40
47	25	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	Đạt	7.25	Đạt	7.62	Đạt	8.29	Đạt	7.15	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7.2	Đạt	98:27:49
48	57	TRẦN MINH HIẾU	Đạt	7.76	Đạt	7.51	Đạt	7.99	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	98:14:58
49	41	PHẠM THUY DƯƠNG	Đạt	7.26	Đạt	7.11	Đạt	7.94	Đạt	7.16	Đạt	7.05	Đạt	7.19	Đạt	8.6	Đạt	98:13:31
50	168	PHẠM MINH VINH	Đạt	7.14	Đạt	7.16	Đạt	7.26	Đạt	7.05	Đạt	7.25	Đạt	7.24	Đạt	8.35	Đạt	98:11:18
51	78	NGUYỄN THỊ THUY LAN	Đạt	7.8	Đạt	7.02	Đạt	7.26	Đạt	7.24	Đạt	7.02	Đạt	7.14	Đạt	8.2	Đạt	98:04:28
52	127	CHU TUỆ QUANG	Đạt	7	Đạt	7.17	Đạt	7.11	Đạt	7.5	Đạt	7.12	Đạt	7.2	Đạt	7.18	Đạt	97:56:14
53	158	NGUYỄN VĂN QUÝ TÙNG	Đạt	7.01	Đạt	7.78	Đạt	7.2	Đạt	7.1	Đạt	7	Đạt	7.04	Đạt	8.2	Đạt	97:53:42
54	136	HOÀNG VĂN THẮNG	Đạt	7.02	Đạt	7.09	Đạt	8.05	Đạt	7.08	Đạt	7.17	Đạt	7.14	Đạt	7.75	Đạt	97:46:26
55	23	ĐINH THỊ HỒNG CHIÊN	Đạt	7.13	Đạt	7.02	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.52	Đạt	9.35	Đạt	97:39:37
56	29	ĐẶNG VĂN DOANH	Đạt	7.01	Đạt	7.1	Đạt	7.01	Đạt	7.36	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	10	Đạt	97:38:14
57	143	VŨ ANH THƠ	Đạt	7.31	Đạt	7	Đạt	7.94	Đạt	7.03	Đạt	7.07	Đạt	7.18	Đạt	8.08	Đạt	97:37:26

ĐẠT

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo													Thời gian đạt	Thời gian đã học
				[2026] Bảng điểm B số tự động														
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTDB					Mô phỏng			
Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt					
58	43	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	Đạt	7.02	Đạt	7.44	Đạt	7.14	Đạt	7.16	Đạt	7.11	Đạt	7.17	Đạt	7.08	Đạt	97:31:23
59	164	TRẦN THẢO VI	Đạt	7.86	Đạt	7	Đạt	7.31	Đạt	7.26	Đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	7.03	Đạt	97:29:49
60	155	ĐÀO MINH TUẤN	Đạt	7.5	Đạt	7.09	Đạt	7.14	Đạt	7.48	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	97:26:03
61	20	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	7.58	Đạt	7.2	Đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	8.98	Đạt	97:08:43
62	16	HOÀNG GIA BẢO	Đạt	7.02	Đạt	7.04	Đạt	7.94	Đạt	7.1	Đạt	7.09	Đạt	7.06	Đạt	7.83	Đạt	97:08:22
63	56	PHẠM LƯƠNG TRUNG HIẾU	Đạt	7.06	Đạt	7.31	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	10	Đạt	97:07:34
64	145	TRẦN THỊ THÚY	Đạt	7.16	Đạt	7.13	Đạt	7.75	Đạt	7.01	Đạt	7.09	Đạt	7.13	Đạt	7.23	Đạt	97:06:00
65	129	TRẦN THỊ HƯƠNG QUỲNH	Đạt	7.06	Đạt	7.02	Đạt	7.19	Đạt	7.1	Đạt	7.05	Đạt	7.26	Đạt	8.33	Đạt	97:05:02
66	120	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	Đạt	7.04	Đạt	7.25	Đạt	7.06	Đạt	7.21	Đạt	7	Đạt	7.27	Đạt	7	Đạt	96:59:26
67	110	NGUYỄN THỦY NGÂN	Đạt	7.01	Đạt	7.1	Đạt	7.1	Đạt	7.1	Đạt	7.13	Đạt	7.2	Đạt	7.58	Đạt	96:57:48
68	53	HÀ VĂN HIẾU	Đạt	7.03	Đạt	7.09	Đạt	7.01	Đạt	7.36	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	8.18	Đạt	96:52:00
69	131	NGÔ HỒNG SƠN	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	7.21	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	10	Đạt	96:49:15
70	163	BÙI ĐẮC VĂN	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.09	Đạt	7.02	Đạt	7.05	Đạt	7.08	Đạt	9.58	Đạt	96:47:59
71	96	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Đạt	7.55	Đạt	7.18	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.05	Đạt	7.06	Đạt	7.2	Đạt	96:46:22
72	18	CHU QUỐC BÌNH	Đạt	7.08	Đạt	7.02	Đạt	7.16	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	7.18	Đạt	8.63	Đạt	96:41:33
73	89	TRỊNH HUYỀN LINH	Đạt	7.26	Đạt	7.3	Đạt	7.21	Đạt	7.01	Đạt	7.07	Đạt	7	Đạt	7.15	Đạt	96:41:20
74	118	TỔNG KIM PHONG	Đạt	7.17	Đạt	7.13	Đạt	7.14	Đạt	7.09	Đạt	7.01	Đạt	7.19	Đạt	7.1	Đạt	96:35:11
75	91	HOÀNG LONG	Đạt	7.31	Đạt	7.04	Đạt	7.06	Đạt	7.25	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.25	Đạt	96:32:04
76	109	NGUYỄN THU NGÂN	Đạt	7.01	Đạt	7.06	Đạt	7.54	Đạt	7.1	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.48	Đạt	96:27:41
77	83	HÀ PHƯƠNG LINH	Đạt	7.01	Đạt	7.06	Đạt	7.21	Đạt	7.11	Đạt	7.01	Đạt	7.19	Đạt	7.1	Đạt	96:21:08
78	161	LƯU THỊ VĂN	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7.21	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.13	Đạt	7.95	Đạt	96:16:53
79	171	NGUYỄN HẢI YẾN	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	9.1	Đạt	96:16:39
80	97	NGUYỄN VIỆT MẠNH	Đạt	7.02	Đạt	7.11	Đạt	7.5	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.73	Đạt	96:15:15
81	40	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.28	Đạt	7.15	Đạt	96:09:52
82	27	CAO ANH ĐẠT	Đạt	7.09	Đạt	7.06	Đạt	7.2	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.14	Đạt	7.1	Đạt	96:06:51
83	148	PHẠM THANH THÚY	Đạt	7.18	Đạt	7.11	Đạt	7.25	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7.05	Đạt	96:02:41
84	135	ĐỖ MINH THẮNG	Đạt	7.06	Đạt	7.03	Đạt	7.13	Đạt	7.02	Đạt	7.03	Đạt	7.05	Đạt	7.8	Đạt	96:01:36
85	169	NGUYỄN MINH VƯƠNG	Đạt	7.03	Đạt	7.02	Đạt	7.2	Đạt	7.02	Đạt	7.07	Đạt	7.02	Đạt	7.33	Đạt	95:56:20
86	24	NGUYỄN VĂN CHIẾN	Đạt	7.15	Đạt	7	Đạt	7.09	Đạt	7.11	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.13	Đạt	95:50:27
87	42	CHU MINH DUY	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.1	Đạt	7.02	Đạt	7.08	Đạt	95:48:44
88	117	NGUYỄN BÙI TẤN PHAN	Đạt	7.02	Đạt	7.07	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.85	Đạt	95:47:25
89	52	LÊ VĂN HIỆP	Đạt	7.03	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7.18	Đạt	95:45:34
90	137	HUYỀN THỊ MAI THANH	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.04	Đạt	7.1	Đạt	95:34:26
91	82	DƯƠNG THUY LINH	Đạt	7.08	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.23	Đạt	95:32:20
92	59	PHẠM PHƯƠNG HỒNG	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	95:29:05
93	11	NGUYỄN QUỐC ANH	Đạt	7.04	Đạt	7.05	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	95:25:24
94	58	NGUYỄN HUY HOÀNG	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	95:23:02
95	128	LÊ MINH QUANG	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.1	Đạt	95:19:51
96	141	NGUYỄN HOÀNG THIỆN	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	95:11:04
97	79	LƯU THỊ LIÊN	Chưa đạt	9.43	Đạt	7.14	Đạt	7.16	Đạt	8.15	Đạt	7.14	Đạt	7.12	Đạt	3.45	Chưa đạt	101:18:29
98	21	LÊ BẢO CHI	Chưa đạt	8.04	Đạt	7.85	Đạt	7.61	Đạt	8.24	Đạt	7.03	Đạt	7.13	Đạt	3.98	Chưa đạt	101:11:45
99	167	NGUYỄN QUANG VINH	Chưa đạt	7.39	Đạt	8.7	Đạt	7.98	Đạt	7.66	Đạt	7.98	Đạt	5.5	Chưa đạt	0	Chưa đạt	98:55:06
100	8	ĐẶNG THUY ANH	Chưa đạt	7.01	Đạt	7.47	Đạt	7.58	Đạt	7.19	Đạt	7.45	Đạt	6.9	Chưa đạt	7.15	Đạt	98:43:20
101	139	LƯU PHƯƠNG THẢO	Chưa đạt	7.53	Đạt	7.74	Đạt	10	Đạt	7.54	Đạt	7.01	Đạt	5.48	Chưa đạt	8.6	Đạt	98:00:49
102	122	HOÀNG LÊ KHÁNH PHƯƠNG	Chưa đạt	7.41	Đạt	7.15	Đạt	8.29	Đạt	7.22	Đạt	7.09	Đạt	6.66	Chưa đạt	8.3	Đạt	97:42:11
103	77	ĐÀO THANH LÂM	Chưa đạt	7.61	Đạt	8.68	Đạt	10	Đạt	7.6	Đạt	7.05	Đạt	5.69	Chưa đạt	0	Chưa đạt	97:25:25
104	90	ĐÀO MẠNH LONG	Chưa đạt	10	Đạt	8.26	Đạt	9.38	Đạt	7.08	Đạt	6.72	Chưa đạt	4.49	Chưa đạt	2.93	Chưa đạt	97:03:25
105	76	VŨ KHANH KIẾN	Chưa đạt	7.1	Đạt	7.02	Đạt	7.25	Đạt	7.2	Đạt	7.23	Đạt	7.44	Đạt	0	Chưa đạt	97:00:02
106	35	NGUYỄN THỦY DUNG	Chưa đạt	7.15	Đạt	7.5	Đạt	8.45	Đạt	7.48	Đạt	7.06	Đạt	7.14	Đạt	0	Chưa đạt	96:34:40
107	126	NGUYỄN MẠNH QUẢN	Chưa đạt	8.16	Đạt	7.04	Đạt	7.43	Đạt	7.03	Đạt	7.06	Đạt	6.14	Chưa đạt	7.78	Đạt	95:43:44
108	95	LƯU VĂN MẠNH	Chưa đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	6.96	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	94:52:19
109	121	BÙI MAI PHƯƠNG	Chưa đạt	8.02	Đạt	7.45	Đạt	8.21	Đạt	7.44	Đạt	7.01	Đạt	4.56	Chưa đạt	8.7	Đạt	94:13:40
110	133	NGUYỄN MINH TÂM	Chưa đạt	7.26	Đạt	7.39	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.06	Đạt	0	Chưa đạt	93:51:46
111	51	HOÀNG TIẾN HIỆP	Chưa đạt	7.03	Đạt	7.06	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.19	Đạt	0	Chưa đạt	93:05:07
112	146	TRẦN THỊ PHƯƠNG THÚY	Chưa đạt	7.98	Đạt	7.15	Đạt	8.45	Đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	4.78	Chưa đạt	7.03	Đạt	92:54:49
113	22	NGUYỄN QUỲNH CHI	Chưa đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	7.03	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	5.78	Chưa đạt	7.08	Đạt	92:30:01
114	115	BÙI THỊ KIỀU OANH	Chưa đạt	7.86	Đạt	7.32	Đạt	7.21	Đạt	7.12	Đạt	7.01	Đạt	4.81	Chưa đạt	7.25	Đạt	92:11:49
115	147	ĐẶNG THỊ THÚY	Chưa đạt	7.01	Đạt	7.53	Đạt	7.58	Đạt	7.99	Đạt	7.01	Đạt	4.66	Chưa đạt	0	Chưa đạt	91:49:40

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo													Thời gian đạt	Thời gian đã học
				[2026] Bảng điểm B số tự động														
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTDB					Mô phỏng			
				Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm		
116	54	NGÔ XUÂN HIẾU	Chưa đạt	7.86	Đạt	7.05	Đạt	7.88	Đạt	7.28	Đạt	7.07	Đạt	5.25	Chưa đạt	1.6	Chưa đạt	91:42:03
117	87	NGUYỄN NGỌC LINH	Chưa đạt	7.23	Đạt	8.04	Đạt	7.89	Đạt	7.15	Đạt	7.12	Đạt	5.07	Chưa đạt	0	Chưa đạt	91:32:44
118	80	NGUYỄN THỊ KIỀU LIÊN	Chưa đạt	9.06	Đạt	7.49	Đạt	7.6	Đạt	7.4	Đạt	7.24	Đạt	3.21	Chưa đạt	0.08	Chưa đạt	91:29:08
119	94	NGUYỄN PHƯƠNG LY	Chưa đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.58	Đạt	7.02	Đạt	7.1	Đạt	4.56	Chưa đạt	8.28	Đạt	91:03:48
120	112	PHẠM HUYỀN GIÁNG NGỌC	Chưa đạt	7.16	Đạt	7.21	Đạt	8.7	Đạt	7.43	Đạt	7.04	Đạt	5.16	Chưa đạt	0	Chưa đạt	91:00:15
121	33	LÊ VŨ THUY DUNG	Chưa đạt	8.16	Đạt	8.79	Đạt	7.46	Đạt	7.2	Đạt	7	Đạt	4	Chưa đạt	0	Chưa đạt	90:58:30
122	64	NGUYỄN XUÂN HUNG	Chưa đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.31	Đạt	7.06	Đạt	7	Đạt	6.03	Chưa đạt	0	Chưa đạt	90:55:20
123	55	PHẠM ANH HƯNG	Chưa đạt	8.88	Đạt	7.49	Đạt	10	Đạt	7	Đạt	7.41	Đạt	2.74	Chưa đạt	2.1	Chưa đạt	90:24:49
124	99	NGUYỄN CÔNG PHÚC MINH	Chưa đạt	7.12	Đạt	7.02	Đạt	7.94	Đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	3.81	Chưa đạt	7.03	Đạt	89:43:49
125	152	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÚC	Chưa đạt	10	Đạt	7.39	Đạt	7.23	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	3.67	Chưa đạt	0.4	Chưa đạt	89:30:02
126	38	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Chưa đạt	8.88	Đạt	7.15	Đạt	7.61	Đạt	8.29	Đạt	6.82	Chưa đạt	3.14	Chưa đạt	0	Chưa đạt	88:42:17
127	61	NGUYỄN MANH HÙNG	Chưa đạt	7.7	Đạt	7.46	Đạt	7.78	Đạt	8.92	Đạt	7.16	Đạt	2.3	Chưa đạt	0	Chưa đạt	88:35:24
128	17	PHAN THỊ BÍCH	Chưa đạt	8.31	Đạt	7.59	Đạt	7.2	Đạt	7.13	Đạt	7.08	Đạt	3.3	Chưa đạt	2.15	Chưa đạt	88:18:47
129	68	BÙI THỊ HUỖN	Chưa đạt	7.06	Đạt	7.04	Đạt	7.09	Đạt	7.08	Đạt	7.08	Đạt	4.66	Chưa đạt	2.18	Chưa đạt	88:09:20
130	50	PHẠM THỊ THU HIỀN	Chưa đạt	7.52	Đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	3.44	Chưa đạt	0	Chưa đạt	87:48:54
131	111	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Chưa đạt	8.87	Đạt	7.48	Đạt	7.55	Đạt	7.29	Đạt	7.01	Đạt	2.07	Chưa đạt	7.13	Đạt	87:47:11
132	156	BÙI THANH TÙNG	Chưa đạt	7.03	Đạt	7.14	Đạt	7.94	Đạt	7.74	Đạt	7.26	Đạt	2.2	Chưa đạt	8.58	Đạt	87:46:08
133	47	BÙI THỊ HIỀN	Chưa đạt	8.52	Đạt	7.28	Đạt	7.18	Đạt	7.38	Đạt	5.57	Chưa đạt	4.45	Chưa đạt	8.93	Đạt	87:38:07
134	5	ĐẶNG MINH AN	Chưa đạt	8.87	Đạt	7.47	Đạt	9.96	Đạt	7.3	Đạt	7.28	Đạt	1.8	Chưa đạt	0.78	Chưa đạt	87:33:18
135	101	PHẠM ĐỨC MINH	Chưa đạt	7.86	Đạt	7.92	Đạt	8.75	Đạt	7.22	Đạt	7.02	Đạt	2.24	Chưa đạt	4.68	Chưa đạt	87:26:40
136	100	NGUYỄN VŨ MINH	Chưa đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.29	Đạt	3.27	Chưa đạt	7.63	Đạt	87:22:31
137	159	VŨ THANH TÙNG	Chưa đạt	7.86	Đạt	7.47	Đạt	9.95	Đạt	8.49	Đạt	6.3	Chưa đạt	2.02	Chưa đạt	1.6	Chưa đạt	86:21:36
138	1	NGUYỄN KHẮC HUY	Chưa đạt	8.21	Đạt	7.43	Đạt	7.31	Đạt	7.17	Đạt	3.68	Chưa đạt	7.04	Đạt	8.48	Đạt	85:52:17
139	63	MA NGỌC HƯNG	Chưa đạt	8.16	Đạt	7.24	Đạt	8.64	Đạt	7.05	Đạt	7.04	Đạt	2.4	Chưa đạt	2.65	Chưa đạt	85:39:25
140	39	NGÔ THÙY DƯƠNG	Chưa đạt	7.22	Đạt	7.01	Đạt	10	Đạt	7.28	Đạt	6.84	Chưa đạt	0.4	Chưa đạt	7.18	Đạt	84:36:03
141	88	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Chưa đạt	9.13	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.25	Đạt	5.02	Chưa đạt	0.24	Chưa đạt	8.88	Đạt	83:51:10
142	106	NGUYỄN HÀ KIỀU MY	Chưa đạt	8.29	Đạt	7.03	Đạt	7.14	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	1.59	Chưa đạt	7.45	Đạt	83:49:21
143	60	ĐỒNG THANH HUẾ	Chưa đạt	7	Đạt	7.11	Đạt	7.15	Đạt	7.02	Đạt	7.04	Đạt	3.21	Chưa đạt	0	Chưa đạt	83:26:50
144	125	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Chưa đạt	7.6	Đạt	7.27	Đạt	7.2	Đạt	7.27	Đạt	6.38	Chưa đạt	3.2	Chưa đạt	1.13	Chưa đạt	83:06:01
145	74	LÊ MINH KHOA	Chưa đạt	7.03	Đạt	7.09	Đạt	8.54	Đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	1.99	Chưa đạt	0	Chưa đạt	81:38:22
146	86	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Chưa đạt	7.02	Đạt	7.48	Đạt	8.75	Đạt	7.2	Đạt	7.04	Đạt	1.2	Chưa đạt	0	Chưa đạt	80:57:49
147	67	TRẦN VĂN HUY	Chưa đạt	7.13	Đạt	7.07	Đạt	7.51	Đạt	7.31	Đạt	6.82	Chưa đạt	0.81	Chưa đạt	2.25	Chưa đạt	80:23:40
148	34	NGUYỄN THÙY DUNG	Chưa đạt	7.01	Đạt	7.15	Đạt	7.29	Đạt	7.11	Đạt	6.23	Chưa đạt	2.9	Chưa đạt	1.35	Chưa đạt	80:23:06
149	75	MAI TUẤN KIẾN	Chưa đạt	7.05	Đạt	7.1	Đạt	7.76	Đạt	7	Đạt	7.14	Đạt	0.9	Chưa đạt	0	Chưa đạt	79:30:55
150	31	CHU MINH ĐỨC	Chưa đạt	7.16	Đạt	7.59	Đạt	7.65	Đạt	7.72	Đạt	7.01	Đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	78:40:41
151	19	NGUYỄN Y BÌNH	Chưa đạt	8.87	Đạt	7.21	Đạt	7.14	Đạt	7.08	Đạt	4.17	Chưa đạt	3.41	Chưa đạt	7.03	Đạt	78:16:06
152	49	NGUYỄN THÚY HIỀN	Chưa đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.2	Đạt	4.39	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	78:02:14
153	85	MAI NGỌC LINH	Chưa đạt	9.01	Đạt	7.43	Đạt	7.05	Đạt	7.04	Đạt	4.63	Chưa đạt	2.06	Chưa đạt	7.13	Đạt	77:45:31
154	6	DƯƠNG QUỐC AN	Chưa đạt	7.78	Đạt	7.11	Đạt	7.23	Đạt	7.04	Đạt	6.27	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	0	Chưa đạt	76:54:06
155	30	BÙI ĐÌNH ĐỨC	Chưa đạt	10	Đạt	8.81	Đạt	8.75	Đạt	7.03	Đạt	3.9	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	3.25	Chưa đạt	76:51:22
156	154	NGUYỄN TUẤN TỬ	Chưa đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	7.61	Đạt	7	Đạt	1.81	Chưa đạt	7.02	Đạt	4.68	Chưa đạt	74:20:38
157	130	KHÔNG THỊ SEN	Chưa đạt	7.56	Đạt	8.08	Đạt	7.94	Đạt	7.41	Đạt	3.97	Chưa đạt	2.5	Chưa đạt	0	Chưa đạt	74:00:45
158	10	NGUYỄN NGỌC VĂN ANH	Chưa đạt	7.17	Đạt	7.19	Đạt	7.95	Đạt	8.01	Đạt	4.06	Chưa đạt	2.12	Chưa đạt	1.58	Chưa đạt	73:38:05
159	15	TÀ XUÂN BẮC	Chưa đạt	10	Đạt	7.98	Đạt	8.75	Đạt	4.86	Chưa đạt	3.39	Chưa đạt	2.54	Chưa đạt	8.5	Đạt	72:50:12
160	26	TRẦN VIỆT CƯỜNG	Chưa đạt	7.85	Đạt	7.16	Đạt	7.1	Đạt	7.07	Đạt	4.63	Chưa đạt	1.31	Chưa đạt	1.55	Chưa đạt	71:06:06
161	134	NGUYỄN NGỌC MINH TÂM	Chưa đạt	7.04	Đạt	7.1	Đạt	8.75	Đạt	7.07	Đạt	4.37	Chưa đạt	1.7	Chưa đạt	0	Chưa đạt	70:29:13
162	84	LÂM THỊ TÚ LINH	Chưa đạt	7.86	Đạt	7.48	Đạt	8.75	Đạt	7.04	Đạt	4.61	Chưa đạt	0.4	Chưa đạt	0	Chưa đạt	70:03:38
163	142	TÀ VIỆT PHÚC THỊNH	Chưa đạt	8.34	Đạt	7.94	Đạt	8.51	Đạt	7.03	Đạt	3.6	Chưa đạt	0.84	Chưa đạt	0	Chưa đạt	69:30:28
164	165	ĐỖ HOÀNG VIỆT	Chưa đạt	7.06	Đạt	7.2	Đạt	7.21	Đạt	7.24	Đạt	4.52	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	0	Chưa đạt	69:13:31
165	37	NGUYỄN ANH DŨNG	Chưa đạt	7.95	Đạt	7.18	Đạt	10	Đạt	7.77	Đạt	3.04	Chưa đạt	1.48	Chưa đạt	0	Chưa đạt	68:45:13
166	153	VŨ MẠNH TRƯỜNG	Chưa đạt	8.87	Đạt	7	Đạt	7.61	Đạt	7.08	Đạt	2.98	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	64:14:28
167	70	NGUYỄN TIẾN KHÁI	Chưa đạt	7.39	Đạt	7.13	Đạt	8.18	Đạt	5.31	Chưa đạt	3.27	Chưa đạt	1.18	Chưa đạt	8.63	Đạt	63:55:13
168	62	NGUYỄN TUẤN HÙNG	Chưa đạt	10	Đạt	7.9	Đạt	7.5	Đạt	4.21	Chưa đạt	2.6	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	0	Chưa đạt	61:15:16
169	102	PHẠM TUẤN MINH	Chưa đạt	7.3	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	1.49	Chưa đạt	0.01	Chưa đạt	2.45	Chưa đạt	54:19:57
170	13	NGUYỄN VĂN HOÀNG ANH	Chưa đạt	8.88	Đạt	7.47	Đạt	9.63	Đạt	5.71	Chưa đạt	0.42	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	51:01:30
171	14	PHẠM TUẤN ANH	Chưa đạt	0.04	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	6:45:19
172	72	VŨ MINH KHÁNH	Chưa đạt	1.01	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	1:53:59

Nguy hiểm

Trượt

STT	STT	Tên	Tiến độ chương trình đào tạo												Thời gian đã học				
			Trạng thái đạt	[2026] Bảng điểm B số tự động												Thời gian đạt			
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTĐB							Mô phỏng		
				Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT			Điểm	Trạng thái đạt	
						Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái								

Thời điểm tạo: 10:29:13 01-06-2026
 Người tạo báo cáo: admin (#30177595)